
CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN 1 | Mã số 2 | Thuyết minh 3 | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|------------------|------------------------|-----------------------|
| | | | 4 | 5 |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 200.277.638.214 | 40.255.541.611 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 44.370.763.699 | 1.104.571.590 |
| 1. Tiền | 111 | | 44.370.763.699 | 1.104.571.590 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 155.675.185.634 | 39.075.972.000 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 267.729.000 | 3.556.972.000 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 155.388.456.634 | 35.500.000.000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 19.000.000 | 19.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.6 | 115.019.655 | 1.054.545 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 115.019.655 | 1.054.545 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 116.669.226 | 73.943.476 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 12.532.465 | 15.727.272 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 70.716.644 | 58.216.204 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | 33.420.117 | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | | |
|---|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 22.707.106.562 | 22.852.047.161 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 3.922.199.930 | 3.922.199.930 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 3.922.199.930 | 3.922.199.930 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | |
| | | | 0 | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 4.084.906.632 | 4.229.847.231 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 4.084.906.632 | 4.229.847.231 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 5.335.124.014 | 5.335.124.014 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (1.250.217.382) | (1.105.276.783) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 14.700.000.000 | 14.700.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 14.700.000.000 | 14.700.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | - |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 222.984.744.776 | 63.107.588.772 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------|--------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 287.232.813 | 462.281.486 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 287.232.813 | 462.281.486 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 112.500.000 | 112.500.000 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.11 | - | - |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 13.818.259 | 72.734.091 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 73.831.394 | 189.964.235 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.13 | 22.500.000 | 22.500.000 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 9.608.573 | 9.608.573 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15a | - | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 54.974.587 | 54.974.587 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.15b | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | | |
|---|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 222.697.511.963 | 62.645.307.286 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.16 | 222.697.511.963 | 62.645.307.286 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 180.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 180.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 2.863.107.311 | 2.863.107.311 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 39.834.404.652 | 39.782.199.975 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 39.782.199.975 | (6.481.804.446) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 52.204.677 | 46.264.004.421 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 222.984.744.776 | 63.107.588.772 |

Lập, ngày 25 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Oanh

Phạm Thị Minh Thư

Đặng Quang Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vinh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ I năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | QUÝ I NĂM 2019 | QUÝ I NĂM 2018 | LŨY KẾ TỪ 01/01/2019 ĐẾN 31/03/2019 | LŨY KẾ TỪ 01/01/2018 ĐẾN 31/03/2018 |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 77.414.902 | 720.000.000 | 77.414.902 | 720.000.000 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 77.414.902 | 720.000.000 | 77.414.902 | 720.000.000 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | | 57.812.499 | 87.128.100 | 57.812.499 | 87.128.100 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 19.602.403 | 632.871.900 | 19.602.403 | 632.871.900 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 509.560.763 | 113.165 | 509.560.763 | 113.165 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | - | - | - | - |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | - | - | - |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | 1.100.000 | 11.253.910 | 1.100.000 | 11.253.910 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 475.858.489 | 577.545.545 | 475.858.489 | 577.545.545 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 52.204.677 | 44.185.610 | 52.204.677 | 44.185.610 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | | - | - | - | - |
| 13. Chi phí khác | 32 | | - | - | - | - |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | - | - | - | - |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 52.204.677 | 44.185.610 | 52.204.677 | 44.185.610 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | - | 8.837.122 | - | 8.837.122 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>52.204.677</u> | <u>35.348.488</u> | <u>52.204.677</u> | <u>35.348.488</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | <u>52.204.677</u> | <u>35.348.488</u> | <u>52.204.677</u> | <u>35.348.488</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | - | - | - | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | - | - | - | - |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | - | - | - | - |

Người lập biểu

Đỗ Thị Oanh

Kế toán trưởng

Phạm Thị Minh Thư



CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp Trực tiếp)

Quý 1 năm 2019

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ | Lũy kế từ |
|---|-----------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| | | | 01/01/2019 đến 31/03/2019 | 01/01/2018 đến 31/03/2018 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Thu tiền từ bán hàng, cung cấp dịch vụ | 01 | | 3.376.218.665 | 320.113.165 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ | 02 | | (120.055.120.000) | (141.912.200) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (352.356.570) | (485.135.457) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | | - | (174.538.500) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | (82.636.093) | (20.151.303) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 323.848.749 | 1.000.000 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (443.762.642) | (266.307.911) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (117.233.807.891) | (766.932.206) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| | | | 500.000.000 | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 500.000.000 | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 500.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| | | | Lũy kế từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 | Lũy kế từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 160.000.000.000 | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | | 775.000.000 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 160.000.000.000 | 775.000.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 43.266.192.109 | 8.067.794 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 1.104.571.590 | 33.556.186 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 44.370.763.699 | 41.623.980 |

Người lập biểu

Đỗ Thị Oanh

Kế toán trưởng

Phạm Thị Minh Thư

Lập, ngày 25 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc



Đặng Quang Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 1 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** Thương mại và Dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** Kinh doanh hàng hóa thương mại
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**

Các Công ty con:

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ vốn góp thực tế | Tỷ lệ theo Giấy CNĐKK |
|--|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ | Số 30, Phố Ba Mỏ, Thị trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ | 98% | 98% |
| Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ cao Y tế Nha Trang | Số 2, Đường 653B, Tổ 6, Thị trấn Khánh Vĩnh, Huyện Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa | 98% | 98% |
| Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ | 1/57, Đường 30/4, KV2, Phường Lái Hiếu, Thị xã Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang | 98% | 98% |

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC cho quý 1 năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC quý 1 năm 2018.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

58
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 1 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 1 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Máy móc thiết bị | 05 |
| Phương tiện vận tải | 06 |

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

1. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

3. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ báo cáo tài chính Quý I năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

5. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

8. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 1 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

9. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 1 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

10. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 1 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 3.480.110.603 | 110.171.854 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 40.890.653.096 | 994.399.391 |
| Cộng | 44.370.763.699 | 1.104.571.245 |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|--------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 0 | - | 3.200.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ cao Y tế Nha trang | 0 | - | 3.200.000.000 | - |
| Phải thu các khách hàng khác | 267.729.000 | - | 356.972.000 | - |
| Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Kiến Thụy | 267.729.000 | - | 356.972.000 | - |
| Các khách hàng khác | - | - | - | - |
| Cộng | 267.729.000 | - | 3.556.972.000 | - |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản | 35.380.336.634 | - | 35.500.000.000 | - |
| Công ty TNHH thiết bị y học Nhật | 83.300.000.000 | - | - | - |
| Công Ty Cổ Phần SaRa Phú Thọ | 27.985.320.000 | - | - | - |
| CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ Y KHOA 3P | 8.719.800.000 | - | - | - |
| CÔNG TY LUẬT TNHH HÙNG SƠN VÀ CỘNG SỰ | 3.000.000 | - | - | - |
| Cộng | 155.388.456.634 | - | 35.500.000.000 | - |

4. Các khoản phải thu khác

a) Ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-----------------|-------------------|----------|-------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ký cược, ký quỹ | 19.000.000 | - | 19.000.000 | - |
| Cộng | 19.000.000 | - | 19.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 1 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**b) Dài hạn**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu khác | 3.922.199.930 | - | 3.922.199.930 | - |
| Cộng | 3.922.199.930 | - | 3.922.199.930 | - |

Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ trong Dự án “Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm không khói” theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1808/2016/HĐHTKD-SRAPT ngày 15 tháng 11 năm 2016, tổng vốn dự kiến của Dự án là 78.443.998.595 VND, trong đó Công ty Cổ phần Sara Việt Nam góp 3.922.199.930 VND tương đương 5% tổng vốn; thời gian 50 năm, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 5:95.

5. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-------------|--------------------|----------|------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Hàng hóa | 115.019.655 | - | 1.054.545 | - |
| Cộng | 115.019.655 | - | 1.054.545 | - |

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí CCDC | 1.136.360 | 4.545.455 |
| Chi phí thuê văn phòng | 11.396.105 | 11.181.817 |
| Cộng | 12.532.465 | 15.727.272 |

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--|----------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 5.335.124.014 | | | 5.335.124.014 |
| Mua trong kỳ | 0 | | | 0 |
| Giảm khác | 0 | | | 0 |
| Số cuối kỳ | 5.335.124.014 | - | - | 5.335.124.014 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | | | | - |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 1.105.276.783 | | | 1.105.276.783 |
| Khấu hao trong kỳ | 144.940.599 | - | - | 144.940.599 |
| Giảm khác | | | | |
| Số cuối kỳ | 1.250.217.382 | - | - | 1.250.217.382 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 4.229.847.231 | - | - | 4.229.847.231 |
| Số cuối kỳ | 4.084.906.632 | - | - | 4.084.906.632 |

1
 01
 01
 A
 1

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 1 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

8. Các khoản đầu tư tài chính

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty con | 14.700.000.000 | - | 14.700.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ (a) | 4.900.000.000 | - | 4.900.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ cao Y tế Nha Trang (b) | 4.900.000.000 | - | 4.900.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ (c) | 4.900.000.000 | - | 4.900.000.000 | - |
| Cộng | 14.700.000.000 | - | 14.700.000.000 | - |

(a): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600985779 ngày 21 tháng 8 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 04 tháng 6 năm 2018; tổng giá trị 4.900.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

(b): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Ứng dụng công nghệ cao Y tế Nha Trang theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201756523 ngày 23 tháng 8 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, tổng giá trị 4.900.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

(c): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300290910 ngày 07 tháng 8 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, tổng giá trị 4.900.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| Công ty chứng khoán ngân hàng Đông Á | 59.500.000 | 59.500.000 |
| Công ty CPTV công nghệ TB và kiểm định XD Conico | 53.000.000 | 53.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | - | - |
| Cộng | 112.500.000 | 112.500.000 |

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | Số cuối kỳ |
|----------------------------|-------------------|----------------------|----------------------|-------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | | | | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 49.215.976 | | (82.636.093) | (33.420.117) |
| Thuế thu nhập cá nhân | 23.518.115 | 13.818.259 | (23.518.115) | 13.818.259 |
| Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - |
| Cộng | 72.734.091 | 16.818.259 | (109.154.208) | 19.601.858 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 1 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

| | |
|---|-----------------|
| - Doanh thu bán vật tư, thiết bị y tế | 5% |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ xét nghiệm, chiếu, chụp liên kết với các bệnh viện | Không chịu thuế |
| - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác | 10% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

11. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------------|------------------|------------------|
| Kinh phí công đoàn | 9.608.573 | 9.608.573 |
| Bảo hiểm xã hội | - | - |
| Bảo hiểm y tế | - | - |
| Bảo hiểm thất nghiệp | - | - |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | - | - |
| Cộng | 9.608.573 | 9.608.573 |

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Số chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|-----------------|-------------------|----------------------|-------------------|
| Quỹ khen thưởng | 54.974.587 | | 54.974.587 |
| Cộng | 54.974.587 | | 54.974.587 |

13. Vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư và phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|---------------------------|--------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 20.000.000.000 | 2.863.107.311 | (6.481.804.446) | 16.381.302.865 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 46.264.004.421 | 46.264.004.421 |
| Số dư cuối năm trước | 20.000.000.000 | 2.863.107.311 | 39.782.199.975 | 62.645.307.286 |
| Số dư đầu năm nay | 20.000.000.000 | 2.863.107.311 | 39.782.199.975 | 62.645.307.286 |
| Số vốn tăng trong kỳ do phát hành cổ phiếu | 160.000.000.000 | | | 160.000.000.000 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | 52.204.677 | 52.204.677 |
| Số dư cuối kỳ | 180.000.000.000 | 2.863.107.311 | 39.834.404.652 | 222.697.511.963 |

160
TY
VN
NAM
FP.V

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 1 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | | |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 18.000.000 | 2.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 18.000.000 | 2.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 18.000.000 | 2.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 18.000.000 | 2.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Quý 1/2019</u> | <u>Quý 1/2018</u> |
|----------------------------|-------------------|--------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 77.414.902 | 720.000.000 |
| Cộng | 77.414.902 | 720.000.000 |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Quý 1/2019</u> | <u>Quý 1/2018</u> |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | | |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 57.812.499 | 87.128.100 |
| Cộng | 57.812.499 | 87.128.100 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Quý 1/2019</u> | <u>Quý 1/2018</u> |
|-----------------------------|--------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi | 9.560.763 | 113.165 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 500.000.000 | - |
| Cộng | 509.560.763 | 113.165 |

4. Chi phí bán hàng

| | <u>Quý 1/2019</u> | <u>Quý 1/2018</u> |
|-------------|-------------------|-------------------|
| | 1.100.000 | 11.253.910 |
| Cộng | 1.100.000 | 11.253.910 |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Quý 1/2019</u> | <u>Quý 1/2018</u> |
|-------------|--------------------|--------------------|
| | 475.858.489 | 577.545.545 |
| Cộng | 475.858.489 | 577.545.545 |

C.T.C.P
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vinh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 1 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Quý 1/2019</u> | <u>Quý 1/2018</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 52.204.677 | 44.185.610 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | | |
| <i>Các khoản chi phí không được trừ</i> | | |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (500.000.000) | - |
| <i>Cổ tức được nhận từ công ty con</i> | (500.000.000) | - |
| Thu nhập chịu thuế | (447.795.323) | 44.185.610 |
| Lỗi các năm trước được chuyển | - | |
| Thu nhập tính thuế | 0 | 44.185.610 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 0 | 8.837.122 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 0 | 8.837.122 |

Lập ngày 25 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Đỗ Thị Oanh

Kế toán trưởng

Phạm Thị Minh Thư

Tổng Giám đốc



Đặng Quang Nam